TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÙ YÊN** **TỈNH SƠN LA** **----------**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc** **----------**

Bản án số: 63/2018/HS-ST
Ngày 19-10-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ YÊN, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: ông Cầm Xuân Thuỷ.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Công Ó và Bà Đinh Thị Lưu.

- Thư ký phiên toà: Bà Phan Thị Hương, Thư ký Toà án nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Yên tham gia phiên toà: Ông Đin Văn Thu, Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La, xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hình sự thụ lý số: 58/2018/TLST-HS ngày 05/9/2018, Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2018/QĐXXST-HS ngày 18/9/2018 đối với các bị cáo:

1. Hà Văn D, sinh ngày 08/8/1981 tại Thu C – Tân S – Phú Thọ; Nơi cư trú: Khu C, xã Thu C, huyện Tân S, tỉnh Phú Thọ; nghề nghiệp: trồng trọt; trình độ văn hóa: 3/12; dân tộc: Mường; con ông Hà Văn Ch và bà Hà Thị T; có vợ là Hà Thị Y (đã ly hôn), chưa có con; Tiền án: Không; tiền sự; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 29/5/2018 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

2. Hà Văn B, sinh ngày 01/01/1976 tại Thu C – Tân S – Phú Thọ; Nơi cư trú: Khu Đồng T, xã Thu C, huyện Tân S, tỉnh Phú Thọ; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Mường; con ông Hà Văn Á và bà Hoàng Thị M (đã chết) có vợ là Hà Thị H (đã ly hôn), có 01 con sinh năm 2001; Tiền án: Có 01 tiền án: Ngày 17/8/2015 bị TAND huyện Tân Sơn, tỉnh Phú Thọ xử phạt 24 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy. Tiền sự: Không; Nhân thân: Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 29/5/2018 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

3. Trần Văn Q, sinh ngày 05/6/1980 tại Thu C – Tân S – Phú Thọ; Nơi cư trú: Khu Trung tâm 1, xã Thu C, huyện Tân S, tỉnh Phú Thọ; nghề nghiệp: Lao động tự do: trình độ văn hóa: 4/12; dân tộc: Mường; con ông Trần Văn T (đã chết) và bà Bùi Thị T có vợ là Nguyễn Thị S, có 02 con, con lớn sinh năm 1999, con nhỏ sinh năm 2014; Không tiền án, tiền sự; Về nhân thân: Có 03 tiền án: Ngày 12/01/2003 bị TAND huyện Thanh S, tỉnh Phú Thọ xử phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội Trộm cắp tài sản; Ngày 01/9/2005 bị TAND huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La xử phạt 24 tháng tù về tội tàng trữ trái phép chất ma túy; Ngày 03/11/2005 bị TAND huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La xử phạt 30 tháng tù về tội Trốn khỏi nơi giam; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 21/7/2018 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Hoàng Thị G, sinh năm 1981; Nơi cư trú: Khu Ú, xã Thu C, huyện Tân S, tỉnh Phú Thọ. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 6 giờ ngày 29/5/2018 Hà Văn B gọi điện thoại cho Hà Văn D rủ góp tiền đi mua ma túy để cùng nhau sử dụng, D đồng ý. Khoảng 7 giờ sáng cùng ngày B gặp D ở quán nước khu Đồng Tăng, D đưa cho B góp số tiền 400.000đ cùng B để mua ma túy. Khoảng 7 giờ 30 phút Trần Văn Q đi xe máy của mình ở nhà đi lên nhà bố mẹ vợ là ông Nguyễn Văn Ch ở bản Thịnh L, xã Tân L để ăn giỗ. Khoảng 8 giờ sáng cùng ngày B gọi điện cho Q hỏi "đang ở đâu? Q trả lời đang ở Thịnh L, xã Tân L" B quay lại bảo D "Q đang ở Tân L có vào không?" D bảo có B điều khiển xe máy đi trước đến đỉnh đèo Cón thì Q tiếp tục gọi điện hỏi "có vào không?" B trả lời có vào bảo "lấy cho 500.000đ". Q gọi điện cho người tên Th ở Điện Biên nhưng làm thuê ở Tân L hỏi "bán cho một gói 500.000đ".

Khi D đi xe máy đến đèo Cón thì B gửi xe máy ở nhà một người quen rồi hai người cùng đi xe máy của D lên Tân L. Khi cả hai đi đến đèo Đung thì B gặp anh Nông Văn Đ ở bản D, xã Tân L B hỏi vay số tiền 200.000đ để sửa xe máy, anh Đ đồng ý đưa cho B vay 200.000đ, lúc này cả B và D có 800.000đ để đi mua ma túy. B lấy số điện thoại của D gọi cho Q bảo mua thêm 300.000đ, tổng cộng là 800.000đ. Q đồng ý bảo đợi và Q gọi điện cho Th bảo lấy thêm 300.000đ, tổng cộng là 800.000đ, Th bảo "em ở đâu sẽ gọi anh sau". Khoảng 30 phút sau Th gọi cho Q bảo đi lên đường bản C, xã Tân L. Q đi đến điểm hẹn thì thấy Th đang sử dụng ma túy trong nương ngô. Th cho Q cùng sử dụng ma túy, khi đang sử dụng thì B gọi điện cho Q nói "đang ở bản Thịnh L rồi, Q bảo cứ đợi ở đó anh đang xuống bây giờ". Sau khi sử dụng xong Th đưa cho Q một gói ma túy bảo " trong này tất cả có hai gói, một gói to và một gói nhỏ hơn" Q cầm lấy rồi đưa số tiền 800.000đ cho Th sau đó đi xe máy đi gặp B và D tại khu vực đoạn đường tỉnh lộ 114 thuộc địa phận bản Thịnh L, xã Tân L. Tại đây Q đưa cho D một gói ma túy vừa mua được của Th hết 800.000đ và bảo D "tất cả bên trong có hai gói là 800.000", D cầm lấy gói ma túy và cùng B đi về. Cả hai đi được một đoạn thì vào nương ngô và giở ra thì thấy hai gói một gói to và một gói nhỏ, B lấy một ít ở gói to ra để cùng sử dụng sau đó gói lại. Còn lấy gói ma túy nhỏ hơn ra chia thành 3 gói nhỏ gói bằng giấy bạc trong vỏ bao thuốc lá, tổng cộng là 4 gói. B đưa cho D cầm rồi điều khiển xe máy di về khu vực bản Bãi Đ, xã Tân L, huyện Phù Yên thì bị phát hiện và bắt quả tang.

Do có hành vi trên, tại bản cáo trạng số: 42/CT- VKS - PY ngày 04/9/2018 của VKS nhân dân huyện Phù Yên đã truy tố bị cáo Hà Văn D và Hà Văn B về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự, còn Trần Văn Q về tội Mua bán trái phép chất ma túy theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà vị đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với hai bị cáo Hà Văn D và Hà Văn B về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy và thay đổi tội danh đối với Trần Văn Q về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy và đề nghị áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Hà Văn D từ 24 đến 30 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 29/5/2018.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51; diểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Hà Văn B từ 30 đến 36 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 29/5/2018.

Áp dụng khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Văn Q từ 24 đến 30 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 21/7/2018.

Về vật chứng vụ án: Áp dụng điểm a, b khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy vật chứng còn lại của Hà Văn D và Hà Văn B D4 = 0,109g;

Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Masstel A116 của Hà Văn D;

Trả lại Hà Văn B 01 điện thoại NOKIA 1280 do không liên quan đến vụ án;

Trả lại chị Hoàng Thị G 01 chiếc xe mô tô BKS 19D1 – 100.68 hiệu HONDA và 01 điện thoại di động;

Trả lại Hà Văn D 50.000đ;

Không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình điều tra, truy tố Cơ quan điều tra Công an huyện Phù Yên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Yên, Kiểm sát viên đã thực hiện các hành vi tố tụng và ra các quyết định đảm bảo, phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Ngày 29/5/2018 Hà Văn D và Hà Văn B cùng góp tiền mỗi người 400.000đ rồi nhờ Trần Văn Q mua giúp 800.000đ ma túy. Hành vi phạm tội của các bị cáo được chứng minh bằng các căn cứ sau:

[3] Biên bản bắt người phạm tội quả tang lập hồi 11 giờ 00 phút ngày 29/5/2018 tại bản Bãi Đ, xã Tân L, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La.

Vật chứng thu giữ trong vụ án là 04 gói chất bột màu trắng có tổng khối lượng là 0,318g loại Hêrôin tại Kết luận giám định số 671 ngày 31/5/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Sơn La.

Biên bản mở niêm phong, kiểm tra và niêm phong lại điện thoại của Hà Văn B, Hà Văn D ngày 31/5/2018 của Đội CSĐTTP về kinh tế Ma túy công an huyện Phù Yên – Sơn La.

Công văn số 1058/CNVTQĐ-TTKT về việc phúc đáp lệnh thu giữ điện tín số 10 ngày 01/6/2018 của Tập đoàn công nghiệp – Viễn thông quân đội.

Đơn xin đầu thú của Trần Văn Q.

[4] Lời khai nhận tội của các bị cáo.

[5] Với các căn cứ chứng minh trên có đủ cơ sở kết luận Hà Văn B và Hà Văn D đã phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

[6] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo: Các bị cáo phạm tội với khối lượng là 0,318g loại Hêrôin do đó đã phạm vào khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự, phạm tội thuộc trường hợp nghiêm trọng quy định mức hình phạt từ một năm đến 05 năm tù.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, là nguyên nhân gây ra các loại tội phạm khác. Bị cáo Hà Văn B có 01 tiền án: Ngày 17/8/2015 bị TAND huyện Tân S, tỉnh Phú Thọ xử phạt 24 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy. Bị cáo Trần Văn Q có nhân thân xấu: Ngày 12/01/2003 bị TAND huyện Thanh S, tỉnh Phú Thọ xử phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội Trộm cắp tài sản; Ngày 01/9/2005 bị TAND huyện

Phù Yên, tỉnh Sơn La xử phạt 24 tháng tù về tội tàng trữ trái phép chất ma túy; Ngày 03/11/2005 bị TAND huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La xử phạt 30 tháng tù về tội Trốn khỏi nơi giam. Do đó cần xử phạt các bị cáo với mức án tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội bị cáo gây ra để đảm bảo giáo dục riêng, phòng ngừa chung.

[7] Tuy nhiên khi quyết định hình phạt cũng cần xem xét: Sau khi phạm tội các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải hưởng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Q có những đóng góp tích cực trong hoạt động phát hiện, đấu tranh với tội phạm của Cơ quan CSĐT – công an huyện Tân S, tỉnh Phú Thọ, sau khi phạm tội bị cáo đã ra tự thú là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm t khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị thay đổi tội danh truy tố đối với bị cáo Trần Văn Q là đồng phạm về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy với hai bị cáo Hà Văn B và Hà Văn D là phù hợp với quy định của pháp luật.

Các bị cáo đều có điều kiện hoàn cảnh khó khăn. Do vậy, cần xem xét giảm nhẹ phần nào hình phạt đối với các bị cáo.

Vụ án có đồng phạm, tuy nhiên các bị cáo cùng thực hiện hành vi phạm tội với tính chất là đồng phạm giản đơn, không có sự trao đổi, bàn bạc, phân công vai trò cụ thể, sau khi thực hiện hành vi phạm tội tài sản được chia bằng nhau do đó khi áp dụng mức hình phạt Hội đồng xét xử áp dụng đối với hai bị cáo là ngang nhau cần áp dụng Điều 58 Bộ luật hình sự.

[8] Về hình phạt bổ sung - Phạt tiền: Xét điều kiện hoàn cảnh các bị cáo khó khăn, không có công ăn việc làm, không tài sản có giá trị nên không áp dụng đối với các bị cáo.

[9] Về nguồn gốc mà túy Trần Văn Q khai mua với một người đàn ông tên Tòng Văn Th. Quá trình điều tra, xác minh hiện nay tại xã Tân L, huyện Phù Yên không có người đàn ông tên Th, do vậy không có căn cứ tiến hành xác minh điều tra làm rõ.

[10] Về vật chứng vụ án: Đối với số ma túy còn lại cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 chiếc điện thoại di động của Hà Văn D là công cụ, phương tiện để phạm tội cần tịch thu sung công quỹ nhà nước.

Đối với 01 chiếc điện thoại di động của Hà Văn B do không liên quan đến hành vi phạm tội cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Đối với 01 điện thoại di đông OPPO màu hồng nhạt; 01 chiếc xe mô tô BKS 19D1 – 10068 của chị Hoàng Thị G, khi cho mượn chị G không biết Hà Văn D dùng vào việc phạm tội do đó cần trả lại cho chị Hoàng Thị G.

Đối với số tiền 50.000đ thu giữ của Hà Văn D do không liên quan đến hành vi phạm tội cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát thay đổi truy tố đối với bị cáo Q là phù hợp, cần chấp nhận.

[11] Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Hà Văn D, Hà Văn B và Trần Văn Q phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy.

1. Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt Hà Văn D 15 (mười lăm) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo tình từ ngày 29/5/2018.

2. Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt Hà Văn B 18 (mười tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo tình từ ngày 29/5/2018.

3. Căn cứ vào khoản 1 Điều 249; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt Trần Văn Q 15 (mười lăm) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo tình từ ngày 21/7/2018.

4. Về vật chứng vụ án: Áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy vật chứng 0,109g (không phẩy một trăm linh chín gam) hêrôin thu giữ của Hà Văn D và Hà Văn B;

Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 điện thoại di động Mastell A116.

Đối với số tiền 50.000đ của Hà Văn D, tạm giữ để đảm bảo thi hành án;

Tạm giữ của Hà Văn B 01 điện thoại di động NOKIA 1280, để đảm bảo thi hành án.

Trả lại chị Hoàng Thị G 01 chiếc xe mô tô BKS 19D1 – 10068 hiệu HONDA Wave số khung RLHHC1214 DI450621, số máy HC12E5450681 và 01 điện thoại di đông OPPO màu hồng nhạt.

5.Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết của UBTV Quốc Hội về án phí, lệ phí Toà án mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng người có quyền lợi liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sơn la;
- VKSND huyện Phù Yên;
- Chi cục THADS Phù Yên;
- THAHS;
- Công an huyện Phù Yên;
- Sở tư pháp tỉnh Sơn La;
- Các bị cáo;
- Người có quyền lợi liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Cầm Xuân Thuỷ